

**Đánh giá tác động chính sách  
và nghiên cứu thực địa  
trong lĩnh vực phát triển**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH**

## Đánh giá tác động

Ví dụ:

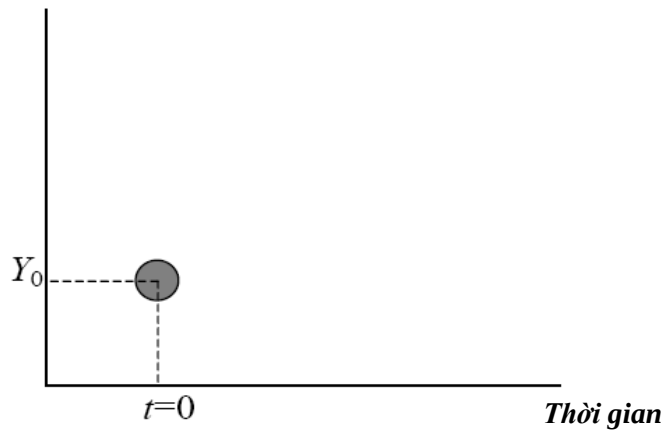
- Chính sách cung cấp nước sạch có làm giảm tỷ lệ mắc các bệnh nhiễm khuẩn đường ruột của trẻ em ở nông thôn hay không?
- Chính sách tín dụng có làm tăng thu nhập cho người nghèo hay không?
- Hỗ trợ học phí có làm giảm tỷ lệ bỏ học cho học sinh đồng bằng sông Cửu Long hay không?

## Các phương pháp đánh giá tác động chính sách

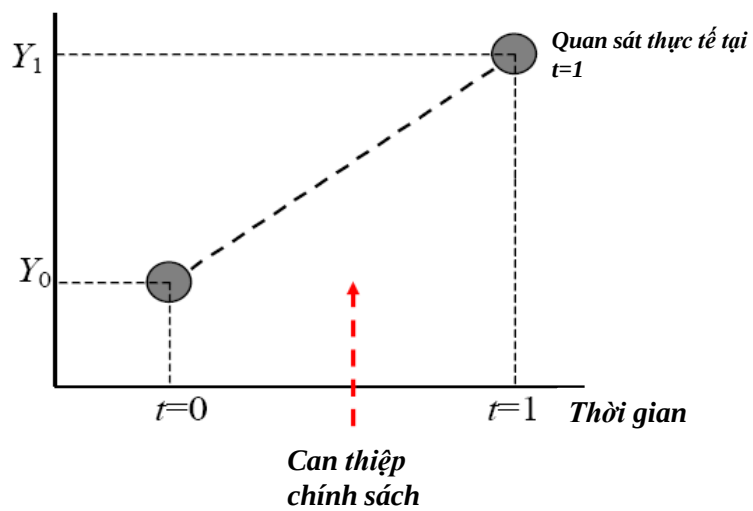
1. Thí nghiệm ngẫu nhiên (Randomization)
2. Khác biệt trong khác biệt (Difference-in-difference)
3. Biến công cụ (Instrumental variable)
4. Kết nối điểm xu hướng (Propensity score matching)
5. Hồi quy cắt (Regression discontinuity design)



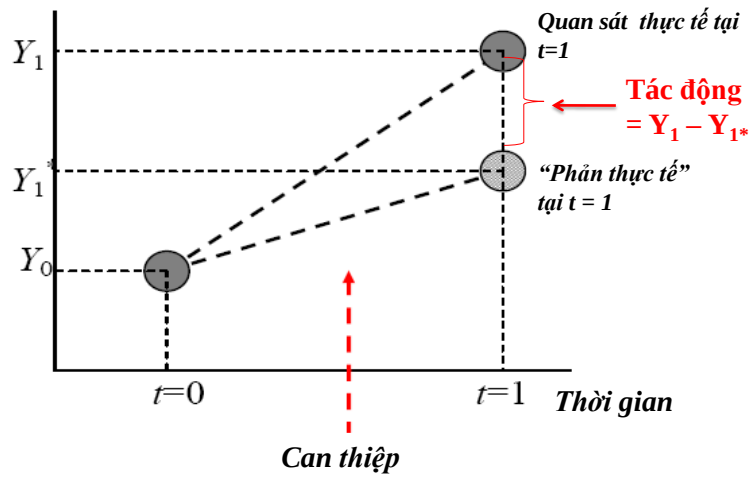
## Trước khi có chính sách...



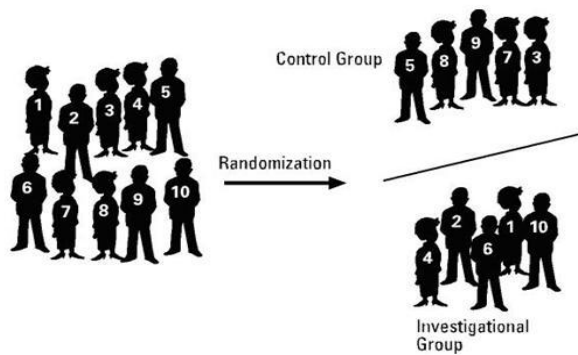
## Sau khi có chính sách...



## Tác động của chính sách

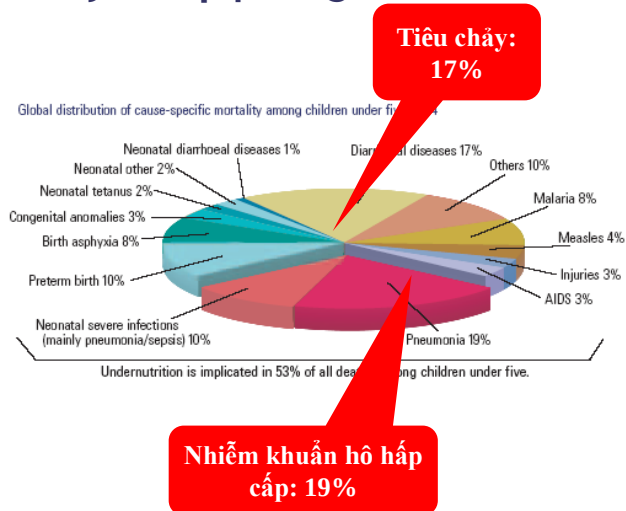


## Thí nghiệm ngẫu nhiên

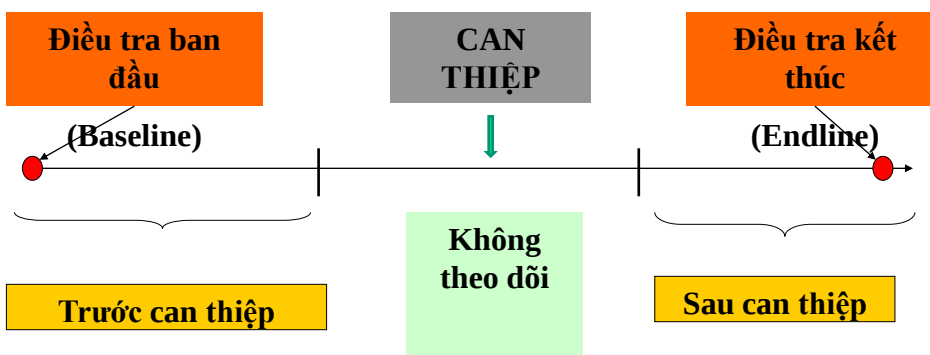


## Ví dụ: Đánh giá tác động của chính sách y tế dự phòng

Tiêu chảy và nhiễm khuẩn hô hấp cấp là hai bệnh có tỷ lệ mắc và tử vong cao nhất ở trẻ em dưới 5 tuổi.



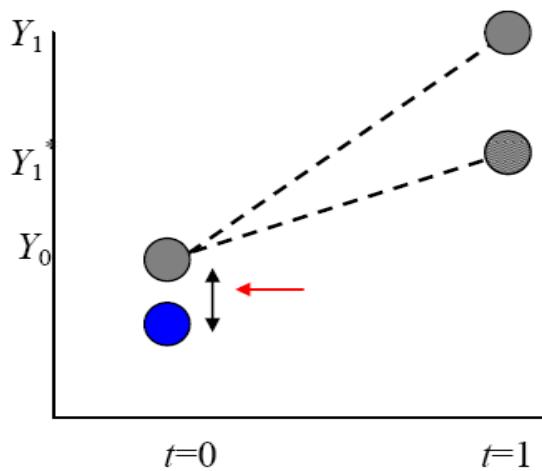
## Đánh giá tác động trước và sau chính sách



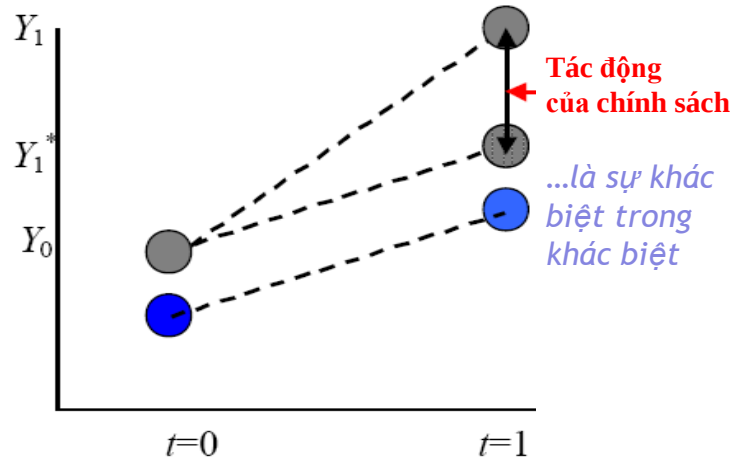
## Khác biệt trong khác biệt (Difference-in-difference)



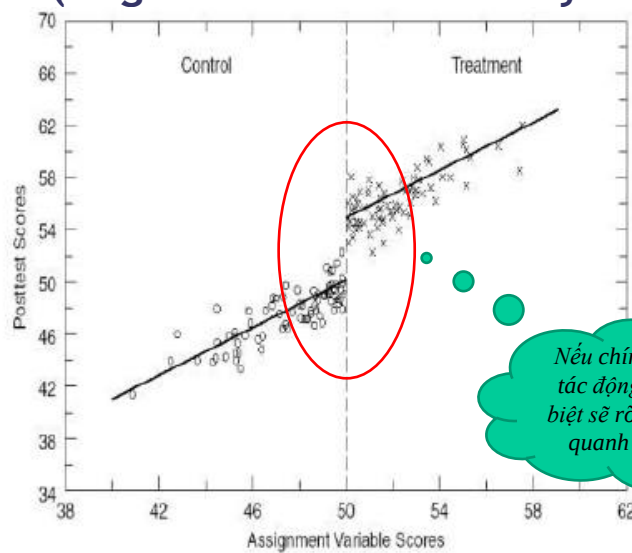
## Khác biệt trước chính sách...



## Khác biệt sau chính sách...



## Hồi quy cắt (Regression discontinuity design)



Nếu chính sách có tác động, sự khác biệt sẽ rõ nhất xung quanh điểm cắt

# NGHIÊN CỨU THỰC ĐỊA

## Nghiên cứu thực địa Field research

- Mục tiêu: thu thập số liệu sơ cấp
- Thường bao gồm:
  - Thiết kế mẫu
  - Thành lập bảng hỏi
  - Điều tra khảo sát tại thực địa
  - Nhập liệu và phân tích

## Một số phương pháp chọn mẫu Sampling methods

- Ngẫu nhiên (Simple random sample)
- Hệ thống (Systematic sample)
- Phân tầng (Stratified sample)
- Thuận tiện (Convenience sample)
- Mục tiêu (Purposive sample)
- Quả cầu tuyết (Snowball sample)
- Tự nguyện (Volunteer sample)
- Đa giai đoạn (Multi-stage sample)

### Ví dụ: Cúm gà



Ví dụ: Khung mẫu  
(Sampling frame)

| Tên tỉnh | Mã tỉnh         | Tên huyện | Mã huyện         | Tên xã | Mã xã        | Tên thôn | Mã thôn | Tên chủ hộ            | Mã hộ<br>được<br>thay<br>đổi | Ghi chú<br>thay đổi | Mối                  |
|----------|-----------------|-----------|------------------|--------|--------------|----------|---------|-----------------------|------------------------------|---------------------|----------------------|
| 3        |                 |           |                  |        |              |          |         |                       |                              |                     |                      |
| 4        | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Lưu Thị Sáu         | 727                          | 0                   |                      |
| 5        | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Phạm Văn Oanh       | 470                          | 0                   |                      |
| 6        | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Nguyễn Hồng Quân    | 599                          | 0                   |                      |
| 7        | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Trần Công Kiệt      | 425                          | 0                   |                      |
| 8        | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Trần Văn Nam        | 594                          | 425                 |                      |
| 9        | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Lê Thành Tôt        | 417                          | 425                 |                      |
| 10       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Phan Ng Quốc Hùng   | 349                          | 425                 |                      |
| 11       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Tô Thị Hai          | 481                          | 425                 |                      |
| 12       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Bùi Phan Thu Nguyệt | 248                          | 470                 |                      |
| 13       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Ng T Thanh Nguyên   | 710                          | 470                 | Sai họ               |
| 14       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Đỗ Văn Tuyết        | 83                           | 470                 | Huỳnh T Thanh Nguyên |
| 15       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Huỳnh Minh Cảnh     | 502                          | 470                 |                      |
| 16       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Nguyễn Văn Hùng     | 746                          | 599                 |                      |
| 17       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Nguyễn Thị Vui      | 139                          | 599                 |                      |
| 18       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Võ Thị Phuong Thảo  | 701                          | 599                 |                      |
| 19       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Nguyễn Hữu Hoàng    | 85                           | 599                 |                      |
| 20       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Nguyễn Thị Túc      | 195                          | 727                 |                      |
| 21       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Nguyễn Minh Triều   | 468                          | 727                 |                      |
| 22       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Phạm Tiến Hải       | 539                          | 727                 |                      |
| 23       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 1       | 1 Nguyễn Văn Tho      | 252                          | 727                 |                      |
| 24       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 3a      | 3 Đặng Thị Vui        | 150                          | 0                   |                      |
| 25       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 3a      | 3 Nguyễn T. Thu Thuý  | 180                          | 0                   |                      |
| 26       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 3a      | 3 Lê Minh Triết       | 247                          | 0                   | Chuyển đi            |
| 27       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 3a      | 3 Lê Văn Tuấn         | 90                           | 0                   |                      |
| 28       | Tỉnh Tiền Giang | 82        | Thành phố Mỹ Tho | 815    | Xã Đạo Thạnh | 28282    | 3a      | 3 Lê Quốc Vĩ          | 56                           | 90                  |                      |

Ví dụ: Xác định nhóm nghiên cứu

Nhóm 1

Người chăm sóc chính của trẻ em có cha mẹ đã di cư lên thành phố

Nhóm 2

Những người di cư lên thành phố Hồ Chí Minh có con nhỏ để lại quê

Nhóm 3

Người di cư lên thành phố Hồ Chí Minh có mang theo con nhỏ

Nhóm 4

Trẻ dưới 18 tuổi di cư lên thành phố Hồ Chí Minh làm việc

## Ví dụ: Xác định nhóm nghiên cứu

Nhóm 1



Nhóm 2



Nhóm 3



Nhóm 4



## Ví dụ: Chọn mẫu đa giai đoạn

- Giai đoạn 1: Xác định khu vực nghiên cứu sử dụng số liệu VHLSS 2008 và UPS 2009
- Giai đoạn 2: Tiến hành lặn “quả cầu tuyết” ở vùng nông thôn
- Giai đoạn 3: Ngẫu nhiên phân tầng dựa trên các tiêu chí xác định trước:
  - Theo tính chất hộ gia đình
  - Theo loại hình lao động

## Kích thước mẫu Sample size

Phụ thuộc vào 5 yếu tố:

- Population size: kích thước tổng thể
- Population proportion: tỷ lệ nhóm đối tượng cần tìm trên tổng thể
- Margin of error: biên độ sai sót
- Variability: biên độ dao động
- Confidence level: khoảng tin cậy

## Kích thước mẫu Sample size

Một cách ước lượng,

$$n = \frac{t^2 \times p(1-p)}{m^2}$$

**n** = kích cỡ mẫu

**t** = khoảng tin cậy mức 95% (giá trị chuẩn 1.96)

**p** = tỷ lệ nhóm đối tượng trên tổng dân số

**m** = biên độ sai sót mức 5% (giá trị chuẩn 0.05)

Ví dụ: Theo ước tính quốc gia, khoảng 30% trẻ em bị suy dinh dưỡng. Để điều tra về vấn đề này cần một số mẫu là:

$$n = \frac{1.96^2 \times 0.03(1-0.03)}{0.05^2} \approx 323$$

### Ví dụ: Một số kích cỡ mẫu tiêu chuẩn với cách chọn mẫu ngẫu nhiên

| Tỷ lệ nhóm đối tượng trên tổng dân số (p) | Biên độ sai sót (ở mức tin cậy 95%) (m) |     |       |       |
|-------------------------------------------|-----------------------------------------|-----|-------|-------|
|                                           | 10%                                     | 5%  | 3%    | 1%    |
| 50%                                       | 96                                      | 384 | 1,067 | 9,604 |
| 45% hay 55%                               | 95                                      | 380 | 1,056 | 9,507 |
| 40% hay 60%                               | 92                                      | 369 | 1,024 | 9,220 |
| 35% hay 65%                               | 87                                      | 349 | 971   | 8,739 |
| 30% hay 70%                               | 81                                      | 323 | 896   | 8,067 |
| 25% hay 75%                               | 72                                      | 288 | 800   | 7,203 |
| 20% hay 80%                               | 61                                      | 246 | 683   | 6,147 |
| 15% hay 85%                               | 48                                      | 195 | 544   | 4,898 |
| 10% hay 90%                               | 35                                      | 138 | 384   | 3,457 |
| 5% hay 95%                                | 18                                      | 72  | 202   | 1,824 |

### Thiết kế bảng hỏi Questionnaire design

3 nguyên tắc:

- Nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu
- Dựa trên cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước đã được tham khảo
- Khả thi với nguồn lực có sẵn

Lưu ý: Khi thiết kế bảng hỏi cũng cần cân nhắc phương pháp nhập liệu và xử lý số liệu.

## Technology



## Technology



## Khảo sát thực địa Field work

